

## BỨC TRANH TÔN GIÁO TRONG VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM

PGS.TS. Nguyễn Thanh Xuân  
Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh  
TS. Nguyễn Quỳnh Trâm  
Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam  
Email: xuanregov@gmail.com

**Tóm tắt:** Tự do tín ngưỡng, tôn giáo là quyền của mọi người, không phân biệt dân tộc, thành phần xã hội, luôn được pháp luật tôn trọng, bảo hộ. Song, đối với đồng bào dân tộc thiểu số theo tôn giáo đặt ra nhiều vấn đề về chính sách và việc thực hiện chính sách, đặc biệt là chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo. Bức tranh tôn giáo trong vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam rất đa dạng, bài viết làm rõ tôn giáo trong những cộng đồng dân tộc mang tính điển hình. Cụ thể là người Hmông ở miền núi phía Bắc theo Công giáo và Tin lành, các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên và vùng cao Duyên hải miền Trung theo Công giáo và Tin lành, người Khmer ở Nam Bộ theo Phật giáo Nam tông, người Chăm ở Nam Trung Bộ và Nam Bộ theo đạo Bàlamôn, Hồi giáo.

**Từ khóa:** Tôn giáo, dân tộc thiểu số, Việt Nam.

**Abstract:** Freedom of belief and religion is a universal right, irrespective of ethnicity or social class, and is consistently acknowledged and safeguarded by the law. However, ethnic minorities adhering to religious practices often encounter numerous challenges related to policies and their implementation, particularly in the realms of ethnic and religious policies. The religious landscape in the ethnic minority areas of Vietnam is multifaceted; this article elucidates the religious scenario in representative ethnic communities. These encompass the Hmong in the Northern mountainous region, who practice Catholicism and Protestantism; ethnic minorities in the Central Highlands and Central Coast highlands, who follow Catholicism and Protestantism; the Khmer people in the South, who adhere to Theravada Buddhism; and the Cham people in the South Central and Southern regions, who observe Brahmanism and Islam.

**Keywords:** Religion, ethnic minorities, Vietnam.

Ngày nhận bài: 25/10/2023; ngày gửi phản biện: 2/11/2023; ngày duyệt đăng: 24/11/2023.

---

## Mở đầu

Bức tranh tôn giáo trong vùng dân tộc thiểu số (DTTS) ở Việt Nam rất đa dạng, bởi ở nước ta, tự do tín ngưỡng, tôn giáo là quyền của mọi người, không phân biệt dân tộc, thành phần xã hội, luôn được pháp luật tôn trọng và bảo hộ. Tuy nhiên, đối với đồng bào DTTS theo tôn giáo lại đặt ra nhiều vấn đề, đặc biệt vấn đề chính sách dân tộc và việc thực hiện chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo và việc thực hiện chính sách tôn giáo. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay, vấn đề này càng trở nên phức tạp với nhiều thách thức.

Việt Nam là quốc gia đa dân tộc, theo báo cáo của Tổng cục Thống kê năm 2019, Việt Nam có 54 dân tộc (96,20 triệu người), trong đó dân tộc Kinh chiếm 85,3% (82,10 triệu người), các DTTS chiếm 14,7% dân số (14,10 triệu người). Đồng bào DTTS chủ yếu cư trú ở các vùng: Trung du và miền núi phía Bắc, vùng Tây Nguyên, Nam Trường Sơn và vùng cao Duyên hải miền Trung (gọi chung là Tây Nguyên) và vùng Nam Bộ. Các dân tộc Kinh, Hoa, Khmer, Chăm,... sống tập trung ở các vùng đồng bằng và ven biển, các DTTS khác sống ở vùng miền núi, cao nguyên. Mấy thập niên cuối của thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI, một bộ phận đồng bào các dân tộc ở miền núi phía Bắc di cư vào các tỉnh Tây Nguyên, Nam Trường Sơn, Duyên hải miền Trung. Khi tiếp cận DTTS ở Việt Nam dù dưới góc độ nào, kể cả vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo đều phải quan tâm đến những đặc điểm/đặc trưng của các DTTS ở Việt Nam, tuy có những đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội đã chuyển biến, thay đổi theo thời gian. Bài viết này tập trung làm rõ về tôn giáo trong những cộng đồng dân tộc mang tính điển hình. Đó là người Hmông theo Công giáo và Tin lành, các DTTS ở Tây Nguyên và vùng cao Duyên hải miền Trung theo Công giáo và Tin lành, người Khmer ở Nam Bộ theo Phật giáo Nam tông, người Chăm ở Nam Trung Bộ và Nam Bộ theo đạo Bàlamôn, Hồi giáo.

### 1. Tôn giáo trong dân tộc thiểu số ở miền núi phía Bắc

Tại các tỉnh miền núi phía Bắc có nhiều dân tộc theo tôn giáo, như Phật giáo, Công giáo và Tin lành. Theo thống kê của Ban Tôn giáo Chính phủ năm 2020, có đến trên dưới 20.000 người của các dân tộc theo Phật giáo. Song, vấn đề tôn giáo liên quan đến DTTS cần quan tâm là một bộ phận đông đảo người Hmông theo Công giáo và Tin lành.

#### 1.1. Công giáo trong dân tộc Hmông

Việc truyền bá Công giáo lên miền núi phía Bắc được các giáo sỹ người Pháp thực hiện từ rất sớm, khoảng cuối thế kỷ XIX đến với các dân tộc: Mường, Thái ở Hòa Bình, Sơn La, Lai Châu; Tày, Nùng, Dao ở Yên Bái, Lào Cai, Hà Giang,... Việc truyền bá Công giáo đến người Hmông càng được các giáo sỹ quan tâm: “Nhằm xoa dịu, ru ngủ tinh thần đấu tranh chống Pháp của người Hmông” (Hội đồng Giám mục Việt Nam, 2006). Vì vậy, việc truyền bá công giáo đến người Hmông đã được thực hiện từ đầu thế kỷ XX với vai trò của Linh mục Tuyên úy Francois Marie Savina (tên Việt gọi là Vị hay Savina Vị) - một người thông thạo tiếng Hmông, hiểu lịch sử và những đặc điểm tộc người Hmông. Đầu năm 1921 có hai người

Hmông ở Lào Cai theo Công giáo, đến cuối năm 1921 có thêm 5 gia đình người Hmông khác theo Công giáo. Năm 1922, ngôi nhà nguyện ở bản Lò Lao Chải (Lào Cai) được xây dựng là nơi sinh hoạt tôn giáo cộng đồng (Trần Hữu Sơn, 1996). Đến năm 1927, hai họ giáo Hầu Tào và Lao Chải được thành lập gồm 33 gia đình ở 11 bản Hmông. Năm 1931, ngôi nhà thờ được khởi công xây dựng kiên cố ở Sa Pa với tước hiệu Nhà thờ Đức Bà Sa Pa (Notre Dame de Sapa) để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tôn giáo của người Pháp và cộng đồng người Hmông mới theo Công giáo ở đây.

Sau năm 1954, với nhiều lý do, cộng đồng người Hmông theo Công giáo ở Lào Cai, Yên Bái đã giảm xuống và sống phân tán vì di cư, song họ vẫn duy trì sinh hoạt tôn giáo theo gia đình, nên năm 1985 còn 65 hộ Công giáo ở vùng Sa Pa (Hội đồng Giám mục Việt Nam, 2006). Sự gia tăng người Hmông theo Công giáo liên quan đến thời kỳ đầu Tin lành truyền vào người Hmông qua truyền thông dưới tên gọi Vàng Trứ, dẫn đến một số người Hmông ở Yên Bái, Lào Cai, Tuyên Quang, Lai Châu, Sơn La,... theo Vàng Trứ từ cuối thế kỷ XIX, nhưng chưa đến với Tin lành mà chuyển qua theo Công giáo dưới sự hướng dẫn của linh mục, tu sỹ, tín đồ Công giáo ở các địa phương. Riêng năm 1989 - 1990 đã có 2.029 người Hmông theo Vàng Trứ chuyển sang Công giáo (Hội đồng Giám mục Việt Nam, 2006). Sau đó, các hoạt động truyền bá Công giáo được triển khai từ Giáo hội Công giáo và cộng đồng người Hmông theo Công giáo. Đến năm 2019, số tín đồ Công giáo người Hmông có trên dưới 20.000 người, cụ thể Lào Cai: 3.505 tín đồ, 1 giáo xứ, 3 giáo họ; Yên Bái: 8.500 tín đồ, 2 giáo xứ, 15 giáo họ, 18 giáo điểm; Sơn La: 5.040 tín đồ; Lai Châu: 1.076 tín đồ; Điện Biên: 1.625 tín đồ,... (Lê Đình Lợi, 2020)

Hiện nay, cộng đồng người Hmông theo Công giáo nói trên tùy theo địa bàn thuộc sự hướng dẫn, điều hành của Giáo phận Hưng Hóa, Giáo phận Lạng Sơn và Giáo phận Bắc Ninh.

### ***1.2. Tin lành trong dân tộc Hmông***

Tuy truyền vào sau so với Công giáo, nhưng Tin lành cũng rất chú trọng truyền giáo đến vùng DTTS ở miền núi phía Bắc. Khởi đầu do các mục sư người Việt, đứng đầu là Mục sư Lê Văn Thái lên truyền giáo ở Lạng Sơn, Lào Cai, Hòa Bình nhưng không mấy kết quả, do chỉ có một cộng đồng người Dao ở huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn theo Tin lành từ năm 1937 - 1938, sau này trở thành chi hội của Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc).

Dấu ấn việc truyền Tin lành lên miền núi phía Bắc vào giữa thập niên 1980, cụ thể năm 1985 - 1986, một số người Hmông ở Hà Tuyên (nay là Hà Giang, Tuyên Quang), Sơn La, Lai Châu,... sau khi nghe đài Nguồn Sống - FEBC phát bằng tiếng Hmông nói về Vàng Trứ - “đạo Vàng Trứ” đã đứng ra vận động người Hmông theo đạo này. Năm 1987 - 1988, đạo Vàng Trứ lan ra các tỉnh Cao Bằng, Bắc Thái (nay là Bắc Kạn, Thái Nguyên), Hà Tuyên,... Đến năm 1990, trong 9 tỉnh miền núi phía Bắc, đạo Vàng Trứ đã thâm nhập vào 164 xã có người Hmông là Sơn La, Lai Châu, Lào Cai, Tuyên Quang, Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên,

Yên Bái (Ban Tôn giáo Chính phủ, 1992). Cũng thời gian này, một số người Hmông theo Vàng Trứ đã trực tiếp đến các cơ sở Công giáo ở Tuyên Quang, Yên Bái, Lào Cai để học hỏi về cách thức theo đạo, sinh hoạt đạo. Qua hướng dẫn của một số tín đồ Công giáo người Kinh và người Hmông theo đạo ở Sa Pa, những người tiếp thu đạo Vàng Trứ đã tìm đến các nhà thờ Công giáo ở Yên Bái, Tuyên Quang, Sơn Tây, Hà Nội,... để học đạo và xin được giúp đỡ.

Những năm 1990, sau khi cộng đồng người Hmông mới theo đạo Tin lành ở miền núi phía Bắc được đài Nguồn Sống và một số mục sư Tin lành hiệu chỉnh và hướng dẫn, đã thay danh xưng Vàng Trứ bằng Tin lành. Thời gian này, Tin lành phát triển rất nhanh, lan ra các địa phương có người Hmông sinh sống, nhất là những tỉnh vùng cao như: Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng,... Sau đó, số người Hmông theo Tin lành ở các tỉnh miền núi phía Bắc đã di cư vào Thanh Hóa và một số tỉnh Tây Nguyên. Riêng ở huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa có hơn 3.500 người, ở tỉnh Đắk Lắk với số lượng hơn 35.000 người (Ban Tôn giáo Chính phủ, 2004). Tin lành tiếp tục tăng vào cuối những năm 1990, đầu những năm 2010. Theo Ban Tôn giáo Chính phủ, năm 1996 cả nước có gần 80.000 người Hmông theo Tin lành, đến năm 2003 tăng lên 105.000 người Hmông (chiếm 13% tổng số người Hmông) ở 735 bản Hmông theo Tin lành (Ban Tôn giáo Chính phủ, 2004).

Ngày 4/2/2005, Thủ tướng Chính Phủ ban hành Chỉ thị số 01/2005/CT-TTg *Về một số công tác đối với đạo Tin lành*. Từ đó, Tin lành trong dân tộc Hmông diễn biến theo xu hướng ổn định dần. Song, do môi trường pháp lý mới, nên đa số các tổ chức Tin lành, kể cả các tổ chức được và chưa được công nhận đều lên vùng miền núi phía Bắc tập hợp người theo Tin lành về mình, làm gia tăng sự đa dạng tổ chức, hệ phái Tin lành. Thời điểm năm 2005, khi triển khai Chỉ thị số 01/2005/CT-TTg, số lượng người DTTS theo Tin lành tại các tỉnh miền núi phía Bắc là 110.000 người ở 927 điểm nhóm, chủ yếu dân tộc Hmông; năm 2015 là 205.000 người ở 1.480 điểm nhóm, vẫn đa số là người Hmông (Ban Tôn giáo Chính phủ, 2015). Đến năm 2019, tổng số người theo Tin lành ở các tỉnh phía Bắc tăng lên 235.643 người ở 1.602 điểm nhóm, riêng người Hmông 218.932 khẩu, còn lại là các dân tộc Dao, Thái, Pà Thẻn,... (chưa kể hơn 40.000 người Hmông theo Tin lành đã di cư vào Tây Nguyên). Con số cụ thể như Điện Biên: 67.520 người, 361 điểm nhóm; Lai Châu: 46.892 người, 237 điểm nhóm; Lào Cai: 31.644 người, 198 điểm nhóm; Hà Giang: 21.693 người, 163 điểm nhóm; Cao Bằng: 16.895 người, 205 điểm nhóm; Sơn La: 16.490 người, 124 điểm nhóm; Bắc Kạn: 14.952 người, 98 điểm nhóm; Tuyên Quang: 8.509 người, 64 điểm nhóm; Thái Nguyên: 5.831 người, 39 điểm nhóm; Thanh Hóa: 3.500 người, 74 điểm nhóm; Lạng Sơn: 2.337 người, 15 điểm nhóm; Yên Bái: 1.190 người, 24 điểm nhóm,... (Ban Tôn giáo Chính phủ - Vụ Tin lành, 2019). Như vậy, chỉ trong 35 năm (1985-2020), Tin lành đã xâm nhập và phát triển trong cộng đồng người Hmông ở 14 tỉnh Tây Bắc và một số tỉnh ở Tây Nguyên, tạo thành một thực thể Tin lành có tính quần chúng khá đông đảo và rộng rãi.

## 2. Tôn giáo trong dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên

Cũng như ở miền núi phía Bắc, Tây Nguyên là nơi có nhiều tôn giáo trong vùng đồng bào DTTS. Theo thống kê của Ban Tôn giáo Chính phủ năm 2020, có đến 10.000 người của các dân tộc theo Phật giáo, 2.000 người theo đạo Cao Đài. Song, vấn đề tôn giáo liên quan đến dân tộc cần quan tâm ở Tây Nguyên là một bộ phận đông đảo người DTTS theo Công giáo và Tin lành.

### 2.1. Công giáo trong dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên

Xét về phương diện truyền giáo, Tây Nguyên là vùng đất mở đối với các tôn giáo, nhất là Công giáo và Tin lành. Công giáo truyền lên Tây Nguyên từ giữa thế kỷ XIX từ vùng Quy Nhơn khi có chính sách cấm đạo của Nhà Nguyễn, với vai trò của Giám mục Stephano Cuénot (tên Việt gọi là Thê hay Cuénot Thê). Nơi các giáo sỹ đến truyền giáo là các dân tộc Ba Na, Xơ Đăng, Gia Rai,... ở Công Tum. Kết quả năm 1853, những tín đồ Công giáo đầu tiên của cư dân tại chỗ là người Ba Na và Xơ Đăng. Việc truyền Công giáo lên Tây Nguyên trở nên thuận lợi khi Pháp trực chiếm Tây Nguyên - Trường Sơn qua Hiệp định Patenôte (1884) và mở các đồn điền ở đây thu hút một bộ phận người Kinh, gồm tín đồ Công giáo lên Tây Nguyên tránh phản ứng của Phong trào Văn Thân. Từ năm 1884 đến 1901, ở Bắc Tây Nguyên có 8.000 người Ba Na theo Công giáo. Để hỗ trợ việc truyền giáo ở Bắc Tây Nguyên, năm 1905 các giáo sỹ Thừa sai lập Trường Giáo phu mang tên Cuénote Thê ở Công Tum để đào tạo các Giáo phu - một danh xưng truyền giáo đặc thù, truyền giáo trong vùng dân tộc. Trước sự gia tăng tín đồ và hình thành lực lượng giáo phu đông đảo, năm 1932, Giáo phận Công Tum được thành lập (theo cơ chế hiệu tòa) tách khỏi Giáo phận Quy Nhơn; năm 1935, thành lập Chung viện Công Tum; năm 1946 thành lập Dòng nữ tu mang tên Ảnh Phép lạ. Sau khi hình thành giáo phận, các giáo sỹ ở Công Tum tăng cường truyền giáo đến dân tộc Ê Đê, Mnông,... ở miền trung Tây Nguyên.

Một hướng truyền Công giáo lên Tây Nguyên từ phía nam đến Đà Lạt. Đầu tiên là năm 1917, một nhà nghỉ dành cho các giáo sỹ được xây dựng, thu hút nhiều giáo sỹ lên đây nghỉ dưỡng và truyền giáo. Người có công truyền Công giáo lên nam Tây Nguyên là Giám mục Mossard (tên Việt là Mão hay Rossard Mão), song ít đem lại kết quả so với các vùng khác ở Tây Nguyên. Tuy vậy, năm 1920, Giáo xứ Đà Lạt, Giáo xứ Di Linh được thành lập.

Việc gia tăng tín đồ Công giáo là DTTS ở Tây Nguyên phải đợi đến sau năm 1954, khi người lên Kinh Tây Nguyên, nhất là việc chính quyền Việt Nam Cộng hòa điều chỉnh dân cư đưa gần 65.000 người Kinh, đa số là Công giáo từ miền Bắc di cư vào Nam lên Tây Nguyên, chủ yếu định cư ở Đắk Lắk, Gia Lai<sup>1</sup>. Người Kinh theo Công giáo ở đây là lực lượng truyền giáo đến vùng DTTS. Với sự đông đảo tín đồ Công giáo ở Tây Nguyên, năm 1960 Tòa thánh Vatican thành lập Giáo phận Đà Lạt, tách khỏi Giáo phận Sài Gòn; năm 1967 thành lập Giáo phận Buôn Mê Thuật, tách khỏi Giáo phận Công Tum. Số tín đồ Công giáo là người DTTS ở

<sup>1</sup> Xem Bộ Tuyên truyền, *Tội ác của đế quốc Mỹ, phái thực dân Pháp phản Hiệp định và bè lũ Ngô Đình Diệm trong âm mưu cưỡng ép và dụ dỗ đồng bào di cư ở Việt Nam*, Hà Nội, tháng 8/1955.

Tây Nguyên năm 1975 khoảng 100.000 người: Giáo phận Công Tum 40.000 người, Giáo phận Buôn Mê Thuột 20.000 người, Giáo phận Đà Lạt 30.000 người, các giáo phận ở miền Trung 10.000 người. Số tín đồ càng tăng từ sau năm 1975, khi người Kinh ở mọi miền đất nước cùng lên Tây Nguyên. Đầu tiên là các đợt đi xây dựng vùng “kinh tế mới” có kế hoạch từ các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ; từ Đổi mới năm 1986, người Kinh cả nước và các DTTS ở phía Bắc di cư tự do đến Tây Nguyên lập nghiệp, tạo ra tỷ lệ người Kinh với người dân tộc tại chỗ từ tỷ lệ 1/3 thành 3/1, thậm chí ở một số nơi là 7/1, dẫn đến việc tăng cường truyền giáo, củng cố đức tin, hướng dẫn, hiệu chỉnh các sinh hoạt tôn giáo trong vùng DTTS nơi đây.

Theo báo cáo từ Ban Tôn giáo các địa phương, năm 2020, số tín đồ Công giáo là DTTS trong tổng số tín đồ ở các tỉnh Tây Nguyên và Bình Phước là 470.643/1.180.085 tín đồ (chiếm 39,8%). Cụ thể, Kon Tum: 141.244/171.674 tín đồ (chiếm 82,2%); Gia Lai: 86.781/155.457 tín đồ (chiếm 55,8%); Đắk Lắk: 56.000/217.000 (chiếm 25,8%); Đắk Nông: 26.144/148.205 tín đồ (chiếm 17,6%); Lâm Đồng: 130.150/380.250 (chiếm 34,2%); Bình Phước: 30.324/107.499 tín đồ (chiếm 28,2%). Như vậy, sau 40 năm (1975 - 2015), số tín đồ Công giáo là DTTS ở Tây Nguyên đã tăng từ 90.000 người tăng lên đến 470.643 (gấp hơn 4,7 lần). Ngoài ra, số tín đồ Công giáo là DTTS ở các tỉnh Duyên hải miền Trung và Đồng Nai là 45.000 người, riêng tỉnh Đồng Nai có 25.570 người (Ban Tôn giáo Chính phủ, 2020).

## **2.2. Tin lành trong dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên**

Tin lành có điều kiện phát triển khá thuận lợi ở các vùng DTTS Việt Nam, trong đó có vùng đồng bào DTTS ở Tây Nguyên. Khởi nguồn từ Hội trường, Mục sư Hoàng Trọng Thừa đã nêu ý tưởng truyền giáo lên vùng DTTS ở Tây Nguyên tại Đại hội đồng lần III năm 1926 ở Đà Nẵng. Việc truyền Tin lành lên Tây Nguyên được thực hiện từ cả Bắc và Nam Tây Nguyên. Việc truyền đạo lên Nam Tây Nguyên do các giáo sỹ của Hội Truyền giáo CMA thực hiện với vai trò của các mục sư H.A. Jackson, C.E. Travis..., sau đó là các mục sư người Việt. Việc tuyên truyền Tin lành lên Bắc Tây Nguyên chủ yếu do các mục sư, truyền đạo người Việt - những người truyền đạo sau khi tốt nghiệp Trường Thánh Kinh Đà Nẵng như các ông Trịnh An Mẹo, Phạm Văn Năm, Nguyễn Hậu Nhưong,... và các giáo sỹ Hội Truyền giáo CMA như: G.H. Smith, I.R. Stebbins, G.C. Ferry,... Việc truyền giáo lên Tây Nguyên thời gian đầu không đạt kết quả như mong muốn, do phải cạnh tranh với Công giáo và thực dân Pháp có chính sách hạn chế hoạt động Tin lành ở Tây Nguyên.

Giai đoạn 1954 - 1975, Hội truyền giáo CMA, Hội thánh Tin lành Việt Nam và các tổ chức Tin lành khác được sự hỗ trợ của nhiều tổ chức từ thiện quốc tế, tăng cường truyền giáo lên vùng DTTS ở Tây Nguyên. Riêng Hội thánh Tin lành Việt Nam đã thành lập các trung tâm truyền giáo, hình thành hai địa hạt ở đây là: Trung Thượng hạt, Nam Thượng hạt. Riêng Hội Truyền giáo CMA đã đưa 30 giáo sỹ trong tổng số 36 giáo sỹ ở Việt Nam lên Tây Nguyên. Vì thế, việc truyền đạo Tin lành ở Tây Nguyên những năm 1954-1975 đã đưa lại kết quả quan trọng, với số lượng cụ thể như năm 1954: 6.000 tín đồ, 70 chi hội, 47 mục sư, truyền đạo; năm

1975: 62.000 tín đồ, 235 chi hội, 152 mục sư, truyền đạo, 75 truyền đạo sinh. Riêng Hội thánh Tin lành Việt Nam, năm 1975 có 50.000 tín đồ, 216 chi hội, 135 mục sư, truyền đạo. Ngoài ra, còn có các cơ sở tôn giáo, kinh tế, xã hội, văn hóa như: 2 Trường Kinh Thánh, 8 trung tâm truyền giáo, 3 cơ sở y tế (1 trại phong, 2 bệnh viện) (Ban Tôn giáo Chính phủ, 1980).

Sau ngày giải phóng miền Nam (1975), các mục sư người nước ngoài rút về nước, các tổ chức Tin lành mất đi sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế và các tổ chức Tin lành ở miền Nam không được công nhận tư cách pháp nhân, không hoạt động về tổ chức. Riêng Tây Nguyên, tổ chức FULRO - một tổ chức chính trị phản động mang tư tưởng ly khai, lợi dụng một số mục sư, truyền đạo, tín đồ Tin lành ở Tây Nguyên hoạt động chống lại cách mạng. Trong bối cảnh đó, để đấu tranh chống tổ chức phản động FULRO và ổn định chính trị, các địa phương ở Tây Nguyên ngừng tất cả các hoạt động của Tin lành. Song, Tin lành ở nơi đây vẫn tồn tại, phát triển rất nhanh, thậm chí bùng nổ số người tin theo, nhất là những năm cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI. Đến năm 2019, các tỉnh Tây Nguyên, Nam Trường Sơn và Duyên hải miền Trung có số người theo Tin lành là DTTS như Đắk Lắk: 193.180 người, 57 chi hội, 389 điểm nhóm; Gia Lai: 147.399 người, 68 chi hội, 317 điểm nhóm; Lâm Đồng: 95.000 người, 99 chi hội, 355 điểm nhóm; Đắk Nông: 65.510 người, 31 chi hội, 164 điểm nhóm; Công Tum: 18.379 người, 5 chi hội, 112 điểm nhóm; Bình Phước: 64.166 người, 7 chi hội, 405 điểm nhóm; các tỉnh miền Trung và Nam Trường Sơn: 56.356 người (Ban Tôn giáo Chính phủ, 2019).

Như vậy, quá trình truyền đạo và theo Tin lành ở Tây Nguyên qua hai giai đoạn trước và sau năm 1975 có khác nhau về lực lượng và điều kiện truyền giáo, số lượng tín đồ, phạm vi hoạt động của Tin lành. Nếu trước 1975, Tin lành chỉ có ở một số DTTS và tập trung ở một số địa phương, thì đến nay đã có trong các DTTS ở vùng đất này; nếu năm 1975, ở Tây Nguyên có 62.000 tín đồ, 200 chi hội, thì năm 2019 có gần 640.000 tín đồ, tăng gấp hơn 11 lần, với 1.742 điểm nhóm và 331 chi hội của 30 tổ chức Tin lành.

### **3. Phật giáo Nam Tông ở vùng người Khmer**

Qua nghiên cứu truyền thuyết và các hiện vật khảo cổ, Phật giáo truyền vào Phù Nam khoảng thế kỷ VI, đồng thời tới vùng đất Chân Lạp (Campuchia ngày nay). Thời kỳ đầu, Phật giáo truyền vào Phù Nam và Chân Lạp cả hai dòng Bắc tông và Nam tông, cùng tồn tại với đạo Bàlamôn. Ở một số di chỉ khảo cổ liên quan đến văn hóa Óc Eo, bên cạnh những hiện vật của Ấn Độ giáo có cả hiện vật Phật giáo, nhất là Phật giáo Bắc tông. Điển hình là tượng Phật bằng đồng và bằng đá, tượng Phật Quan Âm Bồ Tát bằng đồng ở sườn Gò Cây Thị (An Giang), tượng Phật bằng gỗ ở Giồng Xoài (Kiên Giang),... (Đặng Văn Thắng và cộng sự, 2022). Cũng như ở Chân Lạp, vì nhiều lý do, cuối cùng Phật giáo Bắc tông ở Phù Nam nhường chỗ cho Phật giáo Nam tông. Bởi khi vương quốc Phù Nam suy vong, người Phù Nam lưu tán thì suy giảm cả Phật giáo và đạo Bàlamôn. Khi người Khmer từ Campuchia sang định cư, Phật giáo Nam tông mới phát triển, đến thế kỷ XVII trở đi hầu hết những nơi người

Khmer sinh sống đều theo Phật giáo Nam tông. Từ thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, ở các phum/sóc của người Khmer nơi đây đều có chùa Phật giáo Nam tông (Porée-Maspero, 1995).

Gần đây, các tư liệu của Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam đã xác định về niên đại các ngôi chùa cổ của Phật giáo Nam tông Khmer ở Nam Bộ như: chùa Khleng tại Sóc Trăng được xây dựng vào giữa thế kỷ XVI, chùa Sêrây Têchô Mahatúp (chùa Dơi hay chùa Mã Tộc) ở Sóc Trăng xây năm 1569, chùa Hang ở Trà Vinh xây năm 1637, chùa Nodol (chùa Gòng Lớn) ở Trà Vinh xây năm 1677, chùa Ăng ở Trà Vinh xây trước năm 1715, được trùng tu vào năm 1842,... (Nguyễn Quang Ngọc, Chủ biên, 2019). Tương tự như Phật giáo Nam tông ở Campuchia, Phật giáo Nam tông Khmer ở Nam Bộ cũng có dòng bình dân và dòng quý tộc, trong đó dòng bình dân (Mahanikay) là chủ yếu. Riêng Phật giáo Nam tông tỉnh An Giang theo dòng quý tộc (Thommayud). Cụ thể vào khoảng năm 1900, Hoàng gia Campuchia cử phái đoàn sang Nam Bộ truyền bá Phật giáo Nam tông Thommayud. Kết quả là chùa Prey Veng ở quận Tri Tôn, tỉnh Châu Đốc theo phái này. Từ đây phát triển mở rộng ra một số nơi khác, cho đến năm 1965, phái Thommayud có 18 chùa, 250 sư sãi (Trần Quang Thuận, 2008).

Về Phật giáo Nam tông Khmer ở Nam Bộ, đến năm 2019, các tỉnh vùng Tây Nam Bộ có 1.155.097 tín đồ, chiếm hơn 95% tổng số người Khmer, 7.891 sư sãi, 445 chùa. Cụ thể như Sóc Trăng: 396.000 tín đồ, 1.749 sư sãi, 130 cơ sở tôn giáo (92 chùa và 38 salatel); Trà Vinh: 304.845 tín đồ, 3.255 sư sãi, 143 cơ sở tôn giáo; Kiên Giang: 210.899 tín đồ, 1.010 sư sãi, 75 cơ sở tôn giáo; An Giang: 62.903 tín đồ, 1.100 sư sãi, 66 cơ sở tôn giáo; Bạc Liêu: 68.129 tín đồ, 292 sư sãi, 28 cơ sở tôn giáo (22 chùa, 6 salatel); Hậu Giang: 26.257 tín đồ, 70 sư sãi, 15 chùa; Cà Mau: 40.000 tín đồ, 32 sư sãi, 7 chùa; Vĩnh Long: 22.771 tín đồ, 219 sư sãi, 13 cơ sở tôn giáo; Cần Thơ: 22.294 tín đồ, 128 sư sãi, 12 cơ sở tôn giáo (Bạch Thanh Sang, 2019). Riêng các tỉnh miền Đông Nam Bộ, đến năm 2012, Phật giáo Nam tông có 48.528 tín đồ, 53 sư sãi, 19 chùa, cụ thể như Thành phố Hồ Chí Minh: 24.268 tín đồ, 55 sư, 2 chùa; Bình Phước: 15.557 tín đồ, 107 sư, 5 chùa; Bình Dương: 14.435 tín đồ, 4 sư, 1 chùa; Tây Ninh: 7.578 tín đồ, 22 sư, 5 chùa; Đồng Nai: 7.059 tín đồ, 6 sư, 1 chùa; Bà Rịa - Vũng Tàu: 2.787 tín đồ, 6 sư, 1 chùa,... (Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, 2012).

Ngoài ra, còn có 2.016 người Khmer theo Công giáo và 2.500 người theo Tin lành (Ban Tôn giáo Chính phủ, 2019). Đa số những người Khmer theo Tin lành, Công giáo sống đan xen với người Kinh, không theo phum/sóc truyền thống của người Khmer. Gần đây, việc một bộ phận người Khmer từ Phật giáo Nam tông chuyển sang theo Công giáo và Tin lành cần được hiểu và đặt trong bối cảnh xã hội khác trước. Cần thấy rằng, đây là chuyển đổi từ tôn giáo này sang tôn giáo khác, không giống với một bộ phận đông đảo người Hmông và DTTS ở Tây Nguyên chuyển đổi từ tín ngưỡng sang theo tôn giáo.

Đối với người Khmer, Phật giáo Nam tông là tôn giáo tộc người, là nét đặc sắc về văn hóa, thể hiện sự khác biệt giữa dân tộc Khmer với các dân tộc khác ở Việt Nam. Sự khác biệt

này chủ yếu ở các yếu tố liên quan đến chức sắc - nhà tu hành, cơ sở thờ tự, tổ chức và các lễ hội truyền thống. Hay nói cách khác, tiếp cận Phật giáo Nam tông Khmer là tiếp cận việc tu hành, nhất là quá trình tu hành và vai trò của các sư sãi, tiếp cận vị trí của ngôi chùa đối với tín đồ và xã hội, tiếp cận cơ cấu tổ chức truyền thống của Phật giáo Nam tông Khmer cũng như các lễ hội truyền thống của tộc người này liên quan đến tôn giáo, tín ngưỡng.

#### 4. Đạo Bàlamôn và Hồi giáo ở vùng người Chăm

Theo hiểu biết hiện nay, các tôn giáo ở Ấn Độ, trong đó có đạo Bàlamôn truyền vào các nước Đông Nam Á bằng đường thủy và đường bộ. Một đường khởi từ Coromanden (Ấn Độ) qua eo biển Malacca tới quần đảo Mã Lai; một đường khác là từ Atsan tiến vào Myanmar, rồi từ Myanmar qua lưu vực sông Mê Kông đến Chân Lạp, Phù Nam và Chămpa. Các nhà khoa học cho rằng đạo Bàlamôn có mặt ở Chămpa rất sớm, khoảng đầu Công nguyên, từ Ấn Độ sang. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa xác định cụ thể về thời gian, địa điểm của việc truyền bá đạo Bàlamôn đến vùng đất này. Theo một văn bản bằng chữ Sanskrit (Phạn), dưới thời vương triều thứ hai, vua Bhadravarman (380-413) đã thông thạo cả bốn bộ Kinh Veda, ông cho xây dựng tại Mỹ Sơn một ngôi đền thờ thần Shiva và dưới biểu tượng Linga mang tên Bhadresvana, đặt dấu mốc của việc gọi tên thần với tôn hiệu nhà vua. Thế kỷ VII, đạo Bàlamôn, đúng hơn là đạo Shiva đã trở thành tôn giáo chính thống của đa số các đời vua Chămpa.

Cũng như nhiều dân tộc ở Đông Nam Á, người Chăm có nền văn hóa lâu đời, hướng theo “tính mạnh” nên khi đạo Bàlamôn vào người Chăm đã bị bản địa hóa, hình thành một tôn giáo khác nhiều so với đạo gốc Bàlamôn tại Ấn Độ. Sau này, đạo Bàlamôn ở Ấn Độ đã cải cách trở thành Tân Bàlamôn hay Ấn Độ giáo, còn gọi là đạo Hindu cũng không tác động gì đến cộng đồng người Chăm theo đạo Bàlamôn. Đa số người Chăm theo đạo Bàlamôn không hiểu biết đầy đủ giáo lý, giáo luật của đạo Bàlamôn. Sự hiểu biết về giáo lý, giáo luật chủ yếu trong tầng lớp chức sắc với những tên gọi đã bị Chăm hóa. Tuy vậy, hiện nay người Chăm theo đạo Bàlamôn chỉ có ở hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận với số lượng là 70.506 tín đồ trong tổng số 178.948 người Chăm ở Việt Nam, 284 chức sắc, chức việc, 42 cơ sở thờ tự là đền/tháp (Ban Tôn giáo tỉnh Ninh Thuận, 2022; Ban Tôn giáo tỉnh Bình Thuận, 2022).

Hồi giáo truyền đến người Chăm từ thế kỷ X - XI liên quan đến các thương gia, các nhà truyền giáo Ả-rập Xêút, Ba Tư (Iran). Hồi giáo không vượt qua được đạo Bàlamôn, mà phải dung hợp với đạo Bàlamôn để hình thành một loại tôn giáo mới là đạo Bani hay Awal, quen gọi là Hồi giáo Bani hay Chăm Bani, tương tự đạo Sikh ở Ấn Độ. Song, đạo Sikh nghiêng về đạo Bàlamôn, còn đạo Bani nghiêng sang Hồi giáo nhưng lại quan hệ mật thiết với đạo Bàlamôn, bởi các ngày lễ, nhất là các lễ hội mỗi tôn giáo đều có sự tham gia của tôn giáo còn lại. Người Chăm theo đạo Bani không có quan hệ nào với người Chăm theo Hồi giáo chính thống và thế giới Hồi giáo. Hiện nay, đạo Bani có gần 50.000 tín đồ, chủ yếu ở

hai tỉnh Bình Thuận, Ninh Thuận. Cụ thể ở Ninh Thuận: 28.000 tín đồ, 108 chức sắc, chức việc, 8 cơ sở tôn giáo; Bình Thuận: 20.000 tín đồ, 329 chức sắc, chức việc, 10 cơ sở tôn giáo (Ban Tôn giáo tỉnh Ninh Thuận, 2022; Ban Tôn giáo tỉnh Bình Thuận, 2022).

Sau biến cố năm 1471, vương quốc Chăm-pa suy vong với các biến động chính trị. Trong thời kỳ xã hội hậu Chăm-pa, người Chăm lưu tán sang Campuchia, tiếp xúc với người Mã Lai theo Hồi giáo. Vì cùng nhóm ngôn ngữ nên người Chăm theo Bàlamôn và đạo Bàni đã chuyển sang theo Hồi giáo để hình thành cộng đồng người Chăm theo Hồi giáo ở Campuchia. Năm 1841, Trương Minh Giảng - vị quan triều Nguyễn bảo hộ Campuchia bị quân của Ang Dương người Campuchia đánh chạy về Châu Đốc (nay thuộc tỉnh An Giang), những binh lính người Mã Lai và Chăm Hồi giáo chạy về theo. Cùng thời gian, một số người Chăm, người Mã Lai ở Campuchia đẩy binh chống lại chính quyền nhưng thất bại cũng chạy về Châu Đốc định cư, hình thành những cộng đồng người Chăm theo Hồi giáo ở Việt Nam (Nguyễn Văn Luận, 1974).

Sau năm 1945, khi Pháp trở lại xâm lược Việt Nam, một số người Chăm theo Hồi giáo từ Châu Đốc đến Sài Gòn sinh sống. Năm 1966, một trận lụt khủng khiếp xảy ra ở vùng An Giang, cũng như nhiều cư dân khác, người Chăm phải chịu cảnh “màn trời chiếu đất” nên một số người được Hiệp hội Chăm Hồi giáo Việt Nam hỗ trợ lên Sài Gòn lập nghiệp, dẫn đến số người Chăm Hồi giáo ở Sài Gòn tăng đến 6.575 người vào năm 1974 (Trần Tiến Thành, 2010). Người Chăm ở Sài Gòn hình thành những cộng đồng theo xóm/khu sống xen kẽ với người Kinh. Riêng cộng đồng Chăm Hồi giáo tại những vùng khác ở Nam Bộ được hình thành sau này trong những hoàn cảnh riêng, chủ yếu do di cư. Cộng đồng người Chăm Hồi giáo ở Tây Ninh có những nét tương đồng với người Chăm Hồi giáo ở An Giang. Họ cũng từ Campuchia về Việt Nam, liên quan đến việc ông Po Checoc bắt hòa với người anh là vua Chăm trên đất Campuchia. Riêng cộng đồng người Chăm theo Hồi giáo ở xã Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc (tỉnh Đồng Nai) được hình thành trong chiến lược “giãn dân” của chính quyền Việt Nam Cộng hòa vào đầu những năm 1960. Từ những năm 1990, một số người Chăm từ Tây Ninh, Thành phố Hồ Chí Minh đến xã Bình Sơn, huyện Long Thành định cư tạo ra thêm cộng đồng Chăm Hồi giáo ở Đồng Nai. Đầu những năm 1960, một số người Chăm Bàni ở Ninh Thuận chuyển sang theo Hồi giáo, hình thành cộng đồng Chăm Hồi giáo ở Ninh Thuận. Từ năm 2013, hình thành thêm cộng đồng người Chăm theo Hồi giáo ở Bình Thuận liên quan đến cuộc hôn nhân giữa người Chăm Hồi giáo với người Chăm Bàni.

Người Chăm ở Nam Bộ theo Hồi giáo chính thống gọi là Asulam, quen gọi là Chăm Islam. Họ giữ đức tin theo Kinh Coran, thực hành tôn giáo theo năm trụ cột truyền thống như tuyên xưng đức tin, cầu nguyện, ăn chay Ramadan, bố thí, hành hương. Đặc biệt, người Chăm Hồi giáo vẫn giữ các quan hệ với thế giới Hồi giáo, nhất là Hồi giáo khu vực Đông Nam Á. Theo Ban Tôn giáo Chính phủ, năm 2019, số người Chăm theo Hồi giáo là

32.734 tín đồ, 64 cơ sở tôn giáo (41 thánh đường và 23 tiểu thánh đường), 539 chức sắc, chức việc với 4 Ban Đại diện Hội giáo ở các tỉnh An Giang, Tây Ninh, Ninh Thuận và Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Thay lời kết**

Tôn giáo trong vùng DTTS ở nước ta là một trong những nét đặc thù về tôn giáo, dân tộc của Việt Nam. Đó là cộng đồng người Hmông ở miền núi phía Bắc theo Công giáo và Tin lành, cộng đồng các DTTS ở Tây Nguyên theo Công giáo và Tin lành, cộng đồng người Khmer ở Tây Nam Bộ theo Phật giáo Nam tông, cộng đồng người Chăm theo đạo Bàlamôn và Hồi giáo. Các cộng đồng dân tộc theo tôn giáo là một thực thể với tổng số trên dưới 30 triệu tín đồ, hơn 10.000 chức sắc, chức việc, gần 1.000 cơ sở tôn giáo và hơn 4.000 điểm nhóm sinh hoạt tôn giáo.

Mối quan hệ giữa dân tộc với tôn giáo cần chú ý những nét riêng trong những trường hợp cụ thể. Đó là người Hmông có yếu tố tâm lý xung vua đón vua, di cư tự do, giữ văn hóa “cái lý” truyền thống. Người Chăm theo đạo Bàlamôn, đạo Bani, Hồi giáo đều liên quan đến những vấn đề lịch sử, văn hóa. Người Khmer ở Nam Bộ theo Phật giáo Nam tông chú ý đến vùng đất, con người và tôn giáo, nhất là Phật giáo Nam tông của người Khmer trong ngôi nhà Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Người theo tôn giáo ở Tây Nguyên chú ý mối quan hệ giữa người theo và không theo tôn giáo, giữa người Kinh với người DTTS, người DTTS theo tôn giáo.

Trong mối quan hệ giữa tôn giáo với dân tộc, có những tôn giáo trở thành đặc trưng văn hóa của dân tộc - trường hợp Phật giáo Nam tông đối với văn hóa dân tộc Khmer; đạo Bàlamôn, Hồi giáo đối với văn hóa dân tộc Chăm. Tôn giáo là văn hóa nên cũng có trường hợp khi tôn giáo truyền đến một số dân tộc đã tạo ra sự va chạm, thậm chí xung đột văn hóa, nhất là đối với những dân tộc có bề dày văn hóa. Song, do là quy luật, tôn giáo luôn có sự giao thoa và dung hợp nên những va chạm, xung đột văn hóa thường chỉ diễn ra ở giai đoạn đầu - trường hợp truyền đạo và theo đạo Tin lành trong dân tộc Hmông cuối thế kỷ XX và những năm đầu thế kỷ XXI.

Các DTTS ở Việt Nam đều cư trú ở những vùng đất có vị trí quan trọng về kinh tế, chính trị, xã hội, ảnh hưởng rất lớn đến sự ổn định và phát triển của đất nước. Cộng đồng DTTS theo tôn giáo cũng cần quan tâm đến các mối quan hệ quốc tế, nhất là những quan hệ dân tộc/tộc người, quan hệ tôn giáo với các nước láng giềng như Trung Quốc, Lào và Campuchia. Mối quan hệ giữa dân tộc với tôn giáo cũng cần quan tâm đến các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, vấn đề tôn giáo để chống phá Việt Nam.

Đồng bào DTTS theo tôn giáo đặt ra cùng một lúc đối với vấn đề thực hiện cả hai chính sách: chính sách dân tộc và chính sách tôn giáo. Chính sách dân tộc là bình đẳng giữa các dân tộc, đảm bảo nâng cao đời sống dân sinh, trình độ dân trí, giữ gìn bản sắc văn hóa,... Chính sách

tôn giáo là tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, nhìn nhận và phát huy các giá trị tích cực về văn hóa, đạo đức của các tôn giáo,... Cần tránh việc vì lý do theo tôn giáo mà không thực hiện đầy đủ và đúng đắn chính sách dân tộc và cũng không vì lý do là người DTTS mà không thực hiện đầy đủ và đúng đắn chính sách tôn giáo.

### Tài liệu tham khảo

1. Ban Tôn giáo Chính phủ (1980), *Tình hình đạo Tin lành ở miền Nam trước ngày giải phóng miền Nam (1975)*, Phòng Tư liệu, Hà Nội.
2. Ban Tôn giáo Chính phủ (1992), *Tình hình truyền đạo Tin lành trong người Hmông năm 1991*, Phòng Tư liệu, Hà Nội.
3. Ban Tôn giáo Chính phủ (2004), *Báo cáo tình hình đạo Tin lành trong vùng dân tộc thiểu số (năm 2004)*, Phòng Tư liệu, Hà Nội.
4. Ban Tôn giáo Chính phủ (2015), *Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị 01/CT-TTg (2005-2015) Về một số công tác đối với đạo Tin lành*, Hà Nội.
5. Ban Tôn giáo Chính phủ (2019), *Tổng quan Phật giáo Nam tông Khmer ở Nam Bộ (Đề tài nghiên cứu năm 2019)*, Hà Nội.
6. Ban Tôn giáo Chính phủ - Vụ Tin lành (2019), *Tổng hợp tình hình đạo Tin lành (tháng 4 năm 2019)*, Hà Nội.
7. Ban Tôn giáo Chính phủ (2020), *Tổng hợp số liệu báo cáo của Ban Tôn giáo các tỉnh Tây Nguyên và Bình Phước năm 2020*, Hà Nội.
8. Ban Tôn giáo tỉnh Bình Thuận (2022), *Tôn giáo trong cộng đồng người Chăm ở Bình Thuận*, Phan Thiết.
9. Ban Tôn giáo tỉnh Ninh Thuận (2022), *Tôn giáo trong cộng đồng người Chăm ở Ninh Thuận*, Phan Rang.
10. Hội đồng Giám mục Việt Nam (2006), *Giáo hội Công giáo Việt Nam - Niên giám 2005*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
11. Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2012), *Tài liệu hội nghị chuyên đề Phật giáo Nam tông lần thứ V*, Văn phòng Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam ấn hành, Hà Nội.
12. Lê Đình Lợi (2020), *Công giáo trong người Mông ở Lào Cai*, Luận án Tiến sỹ Tôn giáo học, Hà Nội.
13. Nguyễn Văn Luận (1974), *Người Chăm Hồi giáo miền Tây Nam phần*, Tủ sách biên khảo, Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên, Sài Gòn.

14. Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên, 2019), *Hỏi và đáp về lịch sử vùng đất Nam Bộ Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
15. Porée-Maspero, E. (1995), “Le Néak ta”, *France - Asie*, 12, pp. 114-115, 375-377.
16. Bạch Thanh Sang (2019), *Hội Đoàn kết Sư sãi yêu nước vùng Tây Nam Bộ*, Luận án tiến sĩ Tôn giáo học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
17. Trần Hữu Sơn (1996), *Văn hóa Hmông*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
18. Trần Tiến Thành (2010), *Góp phần tìm hiểu từ Islam đến Hồi giáo Bani ở Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
19. Đặng Văn Thắng, Nguyễn Hữu Giêng, Hà Thị Sương (2022), *Na Phát Na kinh đô đầu tiên và cuối cùng của Vương quốc Phù Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
20. Trần Quảng Thuận (2008), *Phật giáo Nam tông tại Đông Nam Á*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
21. Tổng cục Thống kê (2019), *Niên giám thống kê năm 2019*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.



Nhà thờ Chi hội Tin lành Chư Gu, xã Chư Gu, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai

Ảnh: Ban Tôn giáo tỉnh Gia Lai, chụp năm 2019